

Period 43: THEME 6: COMMUNITIES SERVICES
LESSON 5

I. Vocabulary

- Donate: từ thiện
- recycle: tái chế
- organize: tổ chức
- raise: nuôi trồng, tăng lên
- fair: hợp lí, thuận lợi

II. Học sinh nghe và điền các thông tin vào bài tập Listening và đọc đoạn văn hoàn thành bài tập Reading

Listening You will hear a boy talking to his friend about different kinds of community service. Listen and complete questions 1-5. You will hear the conversation twice.

Serving Our Community	
Tom is making a poster for:	0 a craft fair
Because he wants to raise money for:	1 ?
Emma thinks they should hold:	2 ?
Emma says they can:	3 ?
She says they can also:	4 ?
Tom says he'd like to donate:	5 ?

Reading Read an article about a community service project and mark A, B or C. If there is not enough information to answer 'Right' (A) or 'Wrong' (B), choose 'Doesn't say' (C). For questions 1-5, mark A, B or C.

STUDENTS HELP GREENWOOD COMMUNITY

The students from Greenwood Elementary School did a project about how to help their community in Greenwood. They wanted to help poor children so they held some charity events to raise money. They had a fun run and asked their friends to volunteer. They made T-shirts and sold drinks. It was a fantastic event and they raised a lot of money. They also held a craft fair and volunteers made toys to sell. All the parents came and bought the children's arts and crafts. The school was very happy to hold the fair in their school playground. It was a great event.

Example:

0. Three students did a project about community services. Answer: A B C

1. The students did a project about helping the community. Answer: A B C

2. They wanted to help old people. Answer: A B C

3. They invited a famous singer. Answer: A B C

4. They raised a lot of money. Answer: A B C

5. They also held an art show at the school. Answer: A B C

TOPIC 8 : PLACES

Period 44 : PART A: ASKING THE WAY (A1, A2)

I. Vocabulary:

- Way (n): đường, lối đi
 - Tourist (n): khách du lịch
 - Excuse me (exp): xin lỗi (dùng khi muốn lưu ý người nào đó hoặc trước khi làm việc gì quấy rầy họ)
 - Souvenir (n): vật lưu niệm
 - Straight ahead (adv): thẳng phía trước
 - Opposite (prep): đối diện
 - Show (v): chỉ, chỉ ra
 - Shoe store (n): hiệu bán giày
 - Guess (n): sự phỏng đoán
- => have / make a guess: đoán, phỏng đoán

* Hỏi đường

Đề hỏi đường, chúng ta thường dùng một trong các mẫu câu sau:

- **Excuse me. Could you tell me how to get to ..., please?/ Could you show me the way to the, please?**

(Xin lỗi. Xin ông/ bà/ anh ... vui lòng chỉ cho tôi làm thế nào đi đến ...?)

- **Excuse me. I'm looking for Can you tell me how to get there?**

Xin lỗi. Tôi đang tìm Xin ông/ bà/ anh ... vui lòng chỉ tôi làm thế nào để đến đó?

- **Excuse me. Is there a ... near here, please?**

Xin lỗi. Vui lòng gần đây có ... không?

- **Excuse me. Where's the ..., please?**

Xin lỗi. Vui lòng ... ở đâu?

II. Hoàn thành bài tập A1 và A2 trang 79-80:

2 Listen and repeat. Then practice the dialogue with a partner.

- a) **Tourist:** Excuse me. Is there a souvenir shop near here?
Nga: Yes. There is one on Hang Bai Street.
Tourist: Could you tell me how to get there?
Nga: Go straight ahead. Take the second street on the left. The souvenir shop is on the right, opposite the post office.
- Tourist:** Thank you.
Nga: You're welcome.
- b) **Tourist:** Excuse me. Could you show me the way to the supermarket, please?
Lan: The supermarket? OK. Go straight ahead. Take the first street on the right. The supermarket is in front of you.
Tourist: Thanks a lot.
Lan: You're welcome.



TOPIC 8 : PLACES
Period 45 : ASKING THE WAY (A3, A4)

I. Vocabulary:

- Police station (n): đồn cảnh sát
- Toy store (n): cửa hàng đồ chơi
- Shoe store (n): tiệm giày
- Bakery (n): lò bánh mì
- Drugstore (n): tiệm thuốc
- Direction (n): lời chỉ dẫn, lời chỉ đường
- Ask (for) (v): yêu cầu
- In: trong, ở trong
- On: trên, ở trên
- At: tại, ở
- Near: gần
- Next to: sát, cạnh bên
- In front of: phía trước
- Behind: phía sau
- To the left of: phía bên trái
- To the right of: phía bên phải
- Between: ở giữa (2 người hoặc 2 vật)
- Among: ở giữa (3 người hoặc 3 vật trở lên)
- Opposite: đối diện
- From ... to ...: từ ... đến ... (về khoảng cách)

*** STRUCTURE: Ôn tập cấu trúc hỏi khoảng các “ Bao xa....”**

- How far is it from.....to.....?

It's about.....km/m

- How long does it take to get....?

It takes about hours / minutes to get.....

II. Học sinh nhìn vào bản đồ phần A3 thực hành hỏi và trả lời hướng dẫn chỉ đường đi:

Ask for and give directions to these places.


- | | |
|------------------|---------------|
| • bank | • restaurant |
| • police station | • hotel |
| • shoe store | • post office |
| • bookstore | • school |

Example :


Nga: Where is the bank?

Nam: The bank is between the hotel and the restaurant. It's opposite the hospital.

III. Học sinh nghe và đọc đoạn hội thoại phần A4:

 **4 Listen and repeat. Then practice the dialogue with a partner.**

Lan: You are from Hue. How far is it from Ha Noi, Hoa?
Hoa: I'm not sure. It's a long way. It takes about 18 hours to get to Ha Noi by coach.

Lan: Have a guess. 

Hoa: I think it's about 680 km.
Lan: And how far is it from Hue to Ho Chi Minh City?
Hoa: I think it's about 1,030 km.